



Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ KHẮC PHỤC THIẾT HẠI DO MƯA LŨ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **100** /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng	Trong đó:			
			Hỗ trợ về nhà ở do thiên tai theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	Kinh phí khắc phục hạ tầng giao thông, thủy lợi, kiến thiết thị chính, nông nghiệp và môi trường	Kinh phí khắc phục về giáo dục, văn hóa	Hỗ trợ để sửa chữa nhỏ, vệ sinh bùn rác sau lũ, sửa chữa trang thiết bị hư hỏng do mưa lũ và một số nhiệm vụ khác...
A	B	l	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	252.000	2.700	177.000	58.000	14.300
A	UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG	102.400	2.700	57.000	42.700	-
I	Xã, phường bị thiệt hại lớn	90.100	1.300	52.500	36.300	-
1	Xã Quảng Điền	8.000	-	3.000	5.000	
2	Phường Dương Nỗ	8.000	-	6.000	2.000	
3	Phường Phong Dinh	8.000	-	4.000	4.000	
4	Xã Đan Điền	8.060	60	4.000	4.000	
5	Phường Hóa Châu	4.000	-	2.000	2.000	
6	Phường Hương Trà	4.500	-	2.000	2.500	
7	Phường Thuận An	2.000	-	1.000	1.000	
8	Phường Mỹ Thượng	5.000	-	3.000	2.000	
9	Phường Thanh Thủy	1.500	-	1.000	500	
10	Xã Phú Hò	3.500	-	3.500		
11	Xã Hưng Lộc	2.000	-	2.000		
12	Xã Lộc An	2.850	850	1.500	500	
13	Phường Phong Thái	6.000	-	5.000	1.000	
14	Phường Thuận Hóa	3.560	60	1.500	2.000	
15	Phường Phong Phú	6.000	-	3.000	3.000	
16	Xã Phú Vang	6.130	330	5.000	800	
17	Phường Phong Quảng	6.000	-	2.000	4.000	
18	Phường Kim Long	5.000	-	3.000	2.000	

TT	Nội dung	Tổng	Trong đó:			
			Hỗ trợ về nhà ở do thiên tai theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	Kinh phí khắc phục hạ tầng giao thông, thủy lợi, kiến thiết thị chính, nông nghiệp và môi trường	Kinh phí khắc phục về giáo dục, văn hóa	Hỗ trợ để sửa chữa nhỏ, vệ sinh bùn rác sau lũ, sửa chữa trang thiết bị hư hỏng do mưa lũ và một số nhiệm vụ khác...
II	Xã, phường bị thiệt hại vừa	9.600	200	4.500	4.900	-
19	Phường Phú Xuân	2.500	-	1.500	1.000	
20	Phường Võ Dạ	1.000	-	1.000		
21	Phường An Cựu	2.000	-	2.000		
22	Phường Thủy Xuân	1.000	-		1.000	
23	Phường Phong Điền	-	-			
24	Phường Hương An	700	-		700	
25	Xã Long Quảng	-	-			
26	Xã Chân Mây - Lăng Cô	520	20		500	
27	Phường Kim Trà	700	-		700	
28	Xã Bình Điền	-	-			
29	Phường Hương Thủy	-	-			
30	Phường Phú Bài	1.000	-		1.000	
31	Xã Vinh Lộc	-	-			
32	Xã Khe Tre	180	180			
33	Xã Phú Vinh	-	-			
III	Xã, phường ít bị thiệt hại	2.700	1.200	-	1.500	-
34	Xã Nam Đông	-	-			
35	Xã Phú Lộc	500	-		500	
36	Xã A Lưới 1	540	540			
37	Xã A Lưới 2	620	120		500	
38	Xã A Lưới 3	420	420			
39	Xã A Lưới 4	120	120			
40	Xã A Lưới 5	500	-		500	
B	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	149.600	-	120.000	15.300	14.300
1	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố (bao gồm hỗ trợ cho Sư đoàn 968)	4.500				4.500

TT	Nội dung	Tổng	Trong đó:			
			Hỗ trợ về nhà ở do thiên tai theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	Kinh phí khắc phục hạ tầng giao thông, thủy lợi, kiến thiết thị chính, nông nghiệp và môi trường	Kinh phí khắc phục về giáo dục, văn hóa	Hỗ trợ để sửa chữa nhỏ, vệ sinh bùn rác sau lũ, sửa chữa trang thiết bị hư hỏng do mưa lũ và một số nhiệm vụ khác...
2	BCH Bộ đội Biên phòng	1.000				1.000
3	Công an thành phố	5.000				5.000
4	Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ chí Minh thành phố	500				500
5	Sở Xây dựng	85.000		85.000		
6	Sở Văn hóa và Thể thao	4.000			4.000	
7	Sở Y tế	3.000				3.000
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.300			4.300	
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	35.000		35.000		
10	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô	7.000			7.000	
11	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	300				300